TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 – 7 – 2018.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên toà.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 179/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc "*Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng N1, sinh năm 1987; cư trú tại ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (*có mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1987; cư trú tại ấp B, xã L huyện P, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 4năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N1 trình bày:

Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Nguyễn Ngọc M tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không chí thú làm ăn, thường xuyên cờ bạc, uống bia rượu, có người phụ nữ khác bên ngoài về đánh đập vợ con dẫn đến mất hạnh phúc. Nên chị về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh M từ năm 2016 cho đến nay mà không trở về đoàn tụ. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh M. Về con chung, vợ chồng có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Thị Hồng A sinh ngày 16/9/2008 và Nguyễn Thị Hân N2 sinh ngày 01/8/2015. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con phù hợp với nguyện vọng của cháu A, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N1 cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Thị Hồng N1 kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét tại phiên toà sơ thẩm, anh Nguyễn Ngọc M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân*: Xét chị N1 và anh M1 là vợ chồng hợp pháp có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ nguyên nhân anh Minh không chí thú làm ăn, thường xuyên cờ bạc, uống bia rượu, có người phụ nữ khác bên ngoài về đánh đập vợ con dẫn đến mất hạnh phúc mà không hàn gắn được tình cảm. Chị N1 và anh M có thời gian sống ly thân từ năm 2016 đến nay mà không trở về đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N1 cũng như giao nộp các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Nên không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho anh M theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào lời trình bày của chị N1 và thời gian sống ly thân thực tế có cơ sở kết luận đời sống chung giữa chị N1 và anh M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị N1 và anh M.

[4]. *Về con chung*: Xét cháu Nguyễn Thị Hồng A đã trên 09 tuổi nguyện vọng của cháu sau khi cha mẹ ly hôn, mong muốn được chung sống với chị N1.

Còn cháu Nguyễn Thị Hân N2 chưa tròn 03 tuổi đang trong độ tuổi cần sự chăm sóc ân cần của người mẹ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu A và cháu N2 cho chị N1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị N1 không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con. Xét anh M là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Xét trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Nên chị N1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng án phí, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng N1 và anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Thị Hồng A sinh ngày 16 tháng 9 năm 2008 và cháu Nguyễn Thị Hân N2 sinh ngày 01 tháng 8 năm 2015 cho chị Trần Thị Hồng N1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của chị Trần Thị Hồng N1 không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc M cấp dưỡng cho con.

2.3. Anh Nguyễn Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Hồng N1 phải nộp án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này, chị N1 được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0010851 ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Trần Thị Hồng N1 là nguyên đơn, vắng mặt anh Nguyễn Ngọc M là bị đơn. Báo cho chị N1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh M vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Cao Minh Tân